

Số: 083/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công viên Nước Đàm Sen, được lập ngày 15 tháng 01 năm 2016, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công viên Nước Đầm Sen tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2016

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam



NGUYỄN VĂN TUYÊN

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0111-2013-042-1

KIỂM TOÁN VIÊN

HỒ ĐẮC HIẾU

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0458-2013-042-1



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		190.311.863.679	166.532.219.179
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	135.793.191.968	152.968.717.845
1. Tiền	111		6.193.191.968	8.607.537.845
2. Các khoản tương đương tiền	112		129.600.000.000	144.361.180.000
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120	V.02	50.045.292.500	9.045.292.500
1. Chứng khoán kinh doanh	121		31.950.050.000	31.950.050.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(22.904.757.500)	(22.904.757.500)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		41.000.000.000	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		2.808.056.197	3.248.949.469
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	301.746.600	845.970.900
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		335.202.320	98.221.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	2.505.137.562	2.638.787.854
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.05	(334.030.285)	(334.030.285)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140		979.377.695	719.915.936
1. Hàng tồn kho	141	V.06	979.377.695	719.915.936
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		685.945.319	549.343.429
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	685.945.319	352.718.509
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	196.624.920
B. Tài sản dài hạn	200		7.421.594.982	10.316.794.945
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		150.000.000	150.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	150.000.000	150.000.000
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		5.245.654.501	7.845.462.386
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	2.918.714.945	4.122.359.094
- Nguyên giá	222		81.804.945.311	81.163.512.484
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(78.886.230.366)	(77.041.153.390)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	2.326.939.556	3.723.103.292
- Nguyên giá	228		20.315.829.962	20.315.829.962
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(17.988.890.406)	(16.592.726.670)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		-	248.424.125
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	248.424.125
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	V.09	2.000.000.000	2.000.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		462.164.319	462.164.319
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(462.164.319)	(462.164.319)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		2.000.000.000	2.000.000.000
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		25.940.481	72.908.434
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	25.940.481	72.908.434
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		197.733.458.661	176.849.014.124



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. Nợ phải trả	300		8.911.642.761	10.654.269.627
I. Nợ ngắn hạn	310		8.810.642.761	10.568.269.627
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	2.827.151.774	3.097.942.941
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.334.000	14.772.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	2.619.501.240	3.240.012.241
4. Phải trả người lao động	314		1.405.241.248	2.678.229.057
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	21.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13a	873.904.871	1.502.087.150
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.083.509.628	14.226.238
II. Nợ dài hạn	330		101.000.000	86.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.13b	101.000.000	86.000.000
D. Vốn chủ sở hữu	400	V.14	188.821.815.900	166.194.744.497
I. Vốn chủ sở hữu	410		188.821.815.900	166.194.744.497
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		84.500.000.000	84.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		84.500.000.000	84.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		150.600.000	150.600.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		22.599.079.747	19.185.170.259
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		81.572.136.153	62.358.974.238
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		11.080.064.750	10.980.784.485
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		70.492.071.403	51.378.189.753
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		197.733.458.661	176.849.014.124

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Trần Thị Châu Dân
Người lập biểu

Nguyễn Quang Trường
Kế toán trưởng



Đặng Ngọc Nghĩa
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 01 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

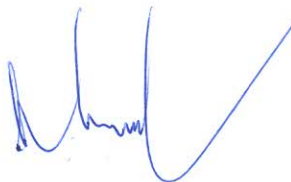
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.01	171.777.349.551	164.256.239.584
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		171.777.349.551	164.256.239.584
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	61.860.717.728	61.697.592.401
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		109.916.631.823	102.558.647.183
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	8.049.605.901	9.078.798.697
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	2.955.556	462.164.319
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.955.556	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.05	12.256.019.924	11.596.794.492
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	14.912.105.944	11.600.971.763
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		90.795.156.300	87.977.515.306
11. Thu nhập khác	31		16.057.881	3.700.000
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		16.057.881	3.700.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		90.811.214.181	87.981.215.306
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	20.319.142.778	19.703.025.553
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		70.492.071.403	68.278.189.753
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	7.091	6.916

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Trần Thị Châu Dân
Người lập biểu



Nguyễn Quang Trường
Kế toán trưởng



Đặng Ngọc Nghĩa
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 01 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	188.618.571.450	179.234.352.465
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02	(51.757.592.933)	(47.626.607.716)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(28.382.239.311)	(26.378.775.269)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(2.955.556)	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(20.885.141.103)	(19.324.856.939)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	32.383.245.990	18.572.718.398
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(66.960.811.079)	(52.204.098.519)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	53.013.077.458	52.272.732.420
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(372.924.973)	(851.494.033)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(138.900.000.000)	(788.197.326.667)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	97.900.000.000	799.697.326.667
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.840.818.393	7.692.088.984
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(32.532.106.580)	18.340.594.951
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	14.000.000.000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(14.000.000.000)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(37.656.496.755)	(49.282.862.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(37.656.496.755)	(49.282.862.900)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(17.175.525.877)	21.330.464.471
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	152.968.717.845	131.638.253.374
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	135.793.191.968	152.968.717.845

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Chữ ký

Trần Thị Châu Dân
Người lập biểu

Chữ ký

Nguyễn Quang Trường
Kế toán trưởng



Đặng Ngọc Nghĩa
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 01 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công viên Nước Đàm Sen (gọi tắt là "Công ty") chính thức hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001384 ngày 03/01/2003 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 8 ngày 24/01/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là DSN kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2010 theo Quyết định số 208/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 9 năm 2010.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 84,5 tỷ đồng.

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: Dam Sen Water Park Corporation.

Trụ sở chính đặt tại: 03 Đường Hoà Bình, Phường 3, Quận 11, Tp.HCM.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề; Dịch vụ ăn uống khác; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác; Điều hành tua du lịch; Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt); Bán buôn đồ uống; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện; Sản xuất sản phẩm chịu lửa.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Tổng số công nhân viên

Tổng số lao động đến ngày 31/12/2015: người.

6. Danh sách công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng APMC	28 Trần Ngọc Diện, phường Thảo Điền, quận 2, TP.HCM	Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ	60,00%	60,00%

Tại ngày 31/12/2015, Công ty chưa thực tế góp vốn vào công ty trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. **Kỳ kế toán năm:** bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Trong năm tài chính 2015, Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. **Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới ba tháng, vàng các loại không được sử dụng như hàng tồn kho, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. **Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu.

Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán;

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3. **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính.

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 14 năm
Máy móc thiết bị	05 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
TSCĐ khác	04 - 05 năm
Quyền sử dụng đất	Theo thời hạn thuê



5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư tài chính khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo chi phí mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được lập cho từng loại chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách

- Đối với chứng khoán niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các chứng khoán chưa niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định như sau:

+ Đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày

+ Đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ 6 trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, thì khoản đầu tư không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Đối với khoản đầu tư tài chính dài hạn: dự phòng được trích lập khi công ty nhận đầu tư đang bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước để phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ khác

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ;

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn

8. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động và theo Quy chế lương của Công ty (tổng quỹ lương là 16% doanh thu thuần + phụ cấp 200 triệu đồng/tháng). Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 26%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 22% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở: Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ; Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập khác: bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng

Phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí nhân viên, chi phí quảng cáo, khuyến mãi, chi phí thuê mặt bằng,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành. Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

15. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.098.124.670	503.158.835
Tiền gửi ngân hàng	5.095.067.298	8.104.379.010
Các khoản tương đương tiền	(*) 129.600.000.000	144.361.180.000
Cộng	135.793.191.968	152.968.717.845

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các Ngân hàng, với lãi suất từ 4% đến 5,3%/năm.

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng khoán kinh doanh	(2.1) 31.950.050.000	31.950.050.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(2.1) (22.904.757.500)	(22.904.757.500)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(2.2) 41.000.000.000	-
Cộng	50.045.292.500	9.045.292.500

(2.1) Bao gồm:

Danh sách đầu tư	Số lượng tồn	Đơn giá tồn	Giá trị đầu tư	Đơn giá thị trường	Trị giá dự phòng
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Việt Á	2.010.065	15.895	31.950.050.000	4.500	(22.904.757.500)

Trong năm tài chính này, Công ty chưa nhận được bất kỳ khoản cổ tức hay lợi nhuận được chia nào từ Ngân hàng TMCP Việt Á.

(2.2) Bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng, với lãi suất từ 5,3% đến 5,5%/năm.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH NGK Sun Tory Pepsico Việt Nam	177.777.600	210.725.900
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ	52.830.000	-
- Công ty TNHH Ajinomoto Việt Nam	-	537.900.000
- Các khoản phải thu từ khách hàng khác	71.139.000	97.345.000
Cộng	301.746.600	845.970.900

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Phải thu khác	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn phải thu	1.155.240.277	-	1.946.452.769	-
- Khoản công nợ chờ thi hành án và thu hồi lại từ Công ty TNHH Sản xuất Đồ chơi Ngọc Thạch	285.714.285	285.714.285	285.714.285	285.714.285
- Khoản phải thu Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ liên quan đến việc liên doanh ở Công viên Khủng Long	128.040.000	-	148.520.800	-
- Các khoản tạm ứng	936.143.000	-	258.100.000	-
Cộng	2.505.137.562	285.714.285	2.638.787.854	285.714.285
b) Dài hạn				
- Ký quỹ thuê văn phòng	150.000.000	-	150.000.000	-
Cộng	150.000.000	-	150.000.000	-

5. Nợ xấu	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
- Các khoản phải thu quá hạn thanh toán trên 3 năm	285.714.285	-	Công ty TNHH Sản xuất Đồ chơi Ngọc Thạch	285.714.285	-	Công ty TNHH Sản xuất Đồ chơi Ngọc Thạch
- Các khoản trả trước người bán quá hạn trên 3 năm	48.316.000	-	Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Thái Bình Dương	48.316.000	-	Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Thái Bình Dương
Cộng	334.030.285	-		334.030.285	-	

6. Hàng tồn kho	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên vật liệu, vật tư, hóa chất	449.479.252	-	377.030.957	-
- Hàng hóa	529.898.443	-	342.884.979	-
Cộng	979.377.695	-	719.915.936	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	38.351.191.212	35.165.799.880	6.493.028.113	662.259.864	491.233.415	81.163.512.484
Tăng trong năm	122.601.246	392.119.581	126.712.000	-	-	641.432.827
Giảm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	38.473.792.458	35.557.919.461	6.619.740.113	662.259.864	491.233.415	81.804.945.311
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	36.730.736.465	34.281.300.883	5.193.744.792	537.420.988	297.950.262	77.041.153.390
Khấu hao trong năm	701.384.140	518.297.537	433.318.991	124.838.876	67.237.432	1.845.076.976
Giảm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	37.432.120.605	34.799.598.420	5.627.063.783	662.259.864	365.187.694	78.886.230.366
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	1.620.454.747	884.498.997	1.299.283.321	124.838.876	193.283.153	4.122.359.094
Tại ngày cuối năm	1.041.671.853	758.321.041	992.676.330	-	126.045.721	2.918.714.945

Tài sản cố định tăng trong năm do mua sắm mới và xây dựng hoàn thành.

Tài sản cố định đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng có nguyên giá 74.630.554.454 đồng.

8. Tài sản cố định vô hình

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá	20.315.829.962	-	-	20.315.829.962
Giá trị hao mòn lũy kế	16.592.726.670	1.396.163.736	-	17.988.890.406
Giá trị còn lại	3.723.103.292			2.326.939.556

Quyền sử dụng đất tại số 03 đường Hoà Bình, phường 3, quận 11, Tp.HCM thuộc tờ khai bản đồ số 02 với diện tích 19.300 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2817/UB ngày 13/11/2003 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp, thời gian sử dụng đất đến ngày 02/7/2018.

9. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(9.1) 462.164.319	462.164.319
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(9.1) (462.164.319)	(462.164.319)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(9.2) 2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	2.000.000.000	2.000.000.000

(9.1) Bao gồm:

Đầu tư mua cổ phần	Số lượng	Mệnh giá	Đơn giá bình quân	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị đầu tư	Giá trị dự phòng
Công ty CP Khải Hoàn Môn	343.030	10.000	1.347	15,00%	462.164.319	(462.164.319)

(9.2): Mua 200.000 trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/trái phiếu) của Công ty CP Khải Hoàn Môn với lãi suất 10%/năm, kỳ hạn 5 năm (đáo hạn ngày 15/8/2018).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. Chi phí trả trước	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	601.082.922	28.500.000
- Chi phí đồng phục nhân viên chờ phân bổ	-	261.699.357
- Chi phí chờ phân bổ khác (chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa,...)	84.862.397	62.519.152
Cộng	685.945.319	352.718.509
b) Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	25.940.481	72.908.434
Cộng	25.940.481	72.908.434

11. Phải trả người bán	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
- Công ty TNHH TM DV XK Vĩ San	528.531.943	528.531.943	-	-
- Công ty TNHH DV DL Phú Thọ	584.320.000	584.320.000	506.605.000	506.605.000
- Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản	-	-	435.817.776	435.817.776
- Phải trả cho các nhà cung cấp khác	1.714.299.831	1.714.299.831	2.155.520.165	2.155.520.165
Cộng	2.827.151.774	2.827.151.774	3.097.942.941	3.097.942.941

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
- Thuế GTGT	718.159.313	13.956.498.622	14.052.409.417	622.248.518
- Thuế TNDN	2.506.948.149	20.319.142.778	20.885.141.103	1.940.949.824
- Thuế TNCN	12.303.779	2.354.502.382	2.312.765.663	54.040.498
- Thuế tài nguyên	2.601.000	36.161.000	36.499.600	2.262.400
- Thuế nhà đất	-	33.957.257	33.957.257	-
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	3.240.012.241	36.703.262.039	37.323.773.040	2.619.501.240

13. Phải trả khác	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Khoản cổ tức còn phải trả cho các cổ đông	640.216.798	1.240.528.378
- Khoản phải trả tiền thuế TNCN do khấu trừ dư của nhân viên	233.688.073	261.558.772
Cộng	873.904.871	1.502.087.150
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ dài hạn cho thuê mặt bằng	101.000.000	86.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

14. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	01/01/2014	Tăng	Giảm	31/12/2014
Vốn góp của chủ sở hữu	84.500.000.000	-	-	84.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	150.600.000	-	-	150.600.000
Quỹ đầu tư phát triển	7.376.337.991	3.358.832.268	-	10.735.170.259
Quỹ dự phòng tài chính	8.450.000.000	-	-	8.450.000.000
LNST chưa phân phối	57.139.616.753	68.278.189.753	63.058.832.268	62.358.974.238
Cộng	157.616.554.744	71.637.022.021	63.058.832.268	166.194.744.497

	01/01/2015	Tăng	Giảm	31/12/2015
Vốn góp của chủ sở hữu	84.500.000.000	-	-	84.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	150.600.000	-	-	150.600.000
Quỹ đầu tư phát triển	19.185.170.259	3.413.909.488	-	22.599.079.747
LNST chưa phân phối	62.358.974.238	70.492.071.403	51.278.909.488	81.572.136.153
Cộng	166.194.744.497	73.905.980.891	51.278.909.488	188.821.815.900

b) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.450.000	8.450.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.450.000	8.450.000
+ Cổ phiếu phổ thông	8.450.000	8.450.000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.450.000	8.450.000
+ Cổ phiếu phổ thông	8.450.000	8.450.000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000 đồng/cp	10.000 đồng/cp

c) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm trong kỳ:

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	9.840.000.000
- Trích quỹ đầu tư phát triển	3.413.909.488
- Trả cổ tức lần 2 và 3 năm 2014 (45% vốn điều lệ)	38.025.000.000
Cộng	51.278.909.488

Quỹ đầu tư phát triển đầu kỳ đã được trình bày lại theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, bao gồm Quỹ đầu tư phát triển (10.735.170.259 đồng) và Quỹ dự phòng tài chính chuyển sang (8.450.000.000 đồng).

d) 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, bao gồm Quỹ đầu tư phát triển (10.735.170.259 đồng) và Quỹ dự phòng tài chính chuyển sang (8.450.000.000 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu từ cung cấp dịch vụ	128.399.620.008	121.754.579.990
- Doanh thu từ bán hàng hoá	40.830.018.084	40.702.834.210
- Doanh thu khác	2.547.711.459	1.798.825.384
Cộng	171.777.349.551	164.256.239.584
2. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	40.275.574.361	40.689.670.949
- Giá vốn của hàng hoá đã cung cấp	21.585.143.367	21.007.921.452
Cộng	61.860.717.728	61.697.592.401
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng	7.849.605.901	8.874.909.808
- Lãi trái phiếu chuyển đổi	200.000.000	203.888.889
Cộng	8.049.605.901	9.078.798.697
4. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	2.955.556	-
- Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	-	462.164.319
Cộng	2.955.556	462.164.319
5. Chi phí bán hàng	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	2.522.126.833	2.435.602.369
- Chi phí vật liệu bao bì	950.651.320	909.459.025
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.395.125.023	7.927.876.547
- Chi phí khác bằng tiền	388.116.748	323.856.551
Cộng	12.256.019.924	11.596.794.492
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	7.505.869.119	7.108.681.672
- Chi phí vật liệu quản lý, dụng cụ văn phòng	1.076.782.273	945.021.040
- Chi phí khấu hao TSCĐ	335.962.833	336.023.852
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dự phòng	-	48.316.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.752.644.767	2.621.562.233
- Chi phí khác bằng tiền	3.237.846.952	538.366.966
Cộng	14.912.105.944	11.600.971.763

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Chi phí thuế TNDN hiện hành	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	90.811.214.181	87.981.215.306
Các khoản chi phí không được trừ	1.548.525.720	1.577.991.753
Thu nhập tính thuế ước tính	92.359.739.901	89.559.207.059
Thuế suất	22%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.319.142.778	19.703.025.553
8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	18.674.833.489	18.490.184.754
- Chi phí nhân công	33.169.126.650	32.275.166.012
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.241.240.712	3.786.038.227
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	29.005.899.274	25.331.622.261
Cộng	84.091.100.125	79.883.011.254
9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70.492.071.403	68.278.189.753
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm (*)	10.573.810.710	9.840.000.000
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	59.918.260.692	58.438.189.753
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.450.000	8.450.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.091	6.916

(*) Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận là khoản trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2015 được ước tính bằng 15% lợi nhuận sau thuế phát sinh trong năm. Mức trích lập cụ thể tùy thuộc vào Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

VII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

- Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 2 ngày 09/6/2014 của Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng APMC (vốn điều lệ là 10 tỷ đồng), Công ty đang tiến hành góp vốn vào công ty này với tỷ lệ góp vốn là 60% vốn điều lệ.

Ngoài sự kiện như đã nêu trên, Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Thông tin về các bên liên quan

Trong năm tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ	Nhà đầu tư	Chia doanh thu bán vé Công viên Khủng Long	769.730.910
		Cung cấp dịch vụ	819.743.636
		Nhận cung cấp dịch vụ	(3.255.531.131)
Công ty CP Khải Hoàn Môn	Đầu tư dài hạn	Thu nhập lãi trái phiếu	200.000.000
		Cho thuê mặt bằng	164.445.458
Ban Điều hành		Thu nhập	2.873.098.587

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Số dư	Phải thu / (phải trả)
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ	Nhà đầu tư	Phải thu khách hàng	52.830.000
		Phải thu hợp tác kinh doanh	128.040.000
		Phải trả người bán	(584.320.000)

3. Thông tin so sánh

Số liệu đầu kỳ tại ngày 01/01/2015 đã được trình bày theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

4. Báo cáo bộ phận

Công ty chỉ có một bộ phận tham gia vào quá trình sản xuất, cung cấp dịch vụ tại một môi trường kinh tế.

5. Quản lý rủi ro tài chính

5.1 Rủi ro thị trường

a. Rủi ro giá

Công ty có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Điều hành quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Điều hành. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong những năm vừa qua.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

b. Rủi ro tiền tệ

Trong năm tài chính này, Công ty không chịu bất kỳ một khoản rủi ro tiền tệ liên quan đến tỷ giá quy đổi do không có hoạt động kinh doanh nào thể hiện bằng đồng ngoại tệ.

c. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản cho vay, các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với biến động lãi suất là tăng/(giảm) 2% thì:

Tài sản có lãi suất	31/12/2015	Biến động lãi suất
		2% (*)
- Tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn	170.600.000.000	3.412.000.000
Cộng	170.600.000.000	3.412.000.000
Nợ phải trả có lãi suất		
- Các khoản vay	-	-
Cộng	-	-
Chênh lệch		3.412.000.000

(*) Biến động lãi suất 2% = tổng số dư Tài sản có lãi suất - tổng số dư Nợ phải trả có lãi suất nhân với 2%.

Ảnh hưởng lãi/(lỗ) đến lợi nhuận trước thuế của Công ty do biến động lãi suất (với giả định mức biến động là 2%) là **3.412.000.000 đồng**.

5.2 Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của Công ty là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Công ty có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của Công ty và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của Công ty.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

Tại ngày 31/12/2015	Dưới 01 năm	Từ 01 đến 05 năm	Cộng
- Phải trả người bán	2.827.151.774	-	2.827.151.774
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.619.501.240	-	2.619.501.240
- Phải trả người lao động	1.405.241.248	-	1.405.241.248
- Các khoản phải trả khác	873.904.871	101.000.000	974.904.871
Cộng	7.725.799.133	101.000.000	7.826.799.133

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn khi cần thiết.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tài sản đảm bảo

Tính đến thời điểm 31/12/2015, Công ty không tồn tại một số dư nợ vay nào từ phía các ngân hàng, tổ chức tín dụng, các pháp nhân hay cá nhân nào, nên Công ty không phải cầm cố, thế chấp bằng bất kỳ một tài sản nào của Công ty.

Công ty cũng không nắm giữ một loại tài sản nào của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 bởi Công ty không tồn tại số dư một khoản cho vay nào.

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác là giá trị của chúng.

Dưới đây là chi tiết giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn:

Đầu tư ngắn hạn	Giá trị sổ sách	So sánh với giá thị trường		Giá trị hợp lý	Dự phòng
		Tăng	Giảm		
Chứng khoán vốn chưa niêm yết	31.950.050.000		(22.904.757.500)	9.045.292.500	(22.904.757.500)
Tiền gửi có kỳ hạn	170.600.000.000	-	-	170.600.000.000	-
Các khoản đầu tư dài hạn					
Chứng khoán vốn chưa niêm yết	462.164.319	-	(462.164.319)	-	(462.164.319)
Các khoản đầu tư dài hạn khác	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000	-
Cộng	205.012.214.319	-	(23.366.921.819)	181.645.292.500	(23.366.921.819)

5.3 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro Công ty bị thiệt hại về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác của công cụ tài chính không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng. Ban Điều hành đã thiết lập các chính sách tín dụng, theo đó, mỗi một khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Công ty đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Ban Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Công ty với điều kiện trả tiền trước.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với các phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

Số dư ngân hàng

Công ty có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban Điều hành không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi Ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị

Tiền gửi Ngân hàng là các khoản tiền gửi ở các Ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán và phải thu khác của Công ty không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là 2.958.056.197 đồng Việt Nam.

Tài sản tài chính quá hạn và / hoặc suy giảm giá trị

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán và phải thu khác được xác định là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng giảm giá trị liên quan như sau:

Giá trị ghi sổ	31/12/2015
Tổng gộp	334.030.285
Trừ dự phòng giảm giá trị	(334.030.285)
Giá trị thuần của khoản phải thu này	-



Trần Thị Châu Dân
Người lập biểu



Nguyễn Quang Trường
Kế toán trưởng



Đặng Ngọc Nghĩa
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 01 năm 2016

